

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2022

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 2 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2022 và Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 2 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước 10.020 tỷ đồng.
 - + Thu nội địa 8.720 tỷ đồng.
 - + Thu xuất nhập khẩu 1.300 tỷ đồng.
- Dự toán thu ngân sách địa phương (NSDP) 10.342,2 tỷ đồng.
 - + Thu cân đối NSDP 9.312,6 tỷ đồng.
 - + Thu NSTW bổ sung các CT mục tiêu, nhiệm vụ: 1.029,6 tỷ đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương 10.398 tỷ đồng.
 - + Chi cân đối NSDP: 9.368,4 tỷ đồng.
 - + Chi các CT mục tiêu, nhiệm vụ: 1.029,6 tỷ đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương 55,8 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình ước thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSNN năm 2022 như sau:

I. Về thu NSNN

Ước thực hiện tổng thu NSNN trên địa bàn 11.725,4 tỷ đồng, đạt 117% dự toán, tăng 12,9% cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nguồn thu

- Thu nội địa: 10.235,4 tỷ đồng, đạt 117,4% dự toán, tăng 15,1% so cùng kỳ.
- Thu xuất nhập khẩu: 1.490 tỷ đồng, đạt 114,6% dự toán, giảm 0,2% so cùng kỳ.



2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố

- Khối tỉnh: 6.675,8 tỷ đồng, đạt 101,6% dự toán, tăng 2,4% so cùng kỳ.
- Khối huyện, thị xã, thành phố: 3.559,6 tỷ đồng, đạt 165,5% dự toán, tăng 50,1% so cùng kỳ.

II. Về chi NSDP

Tổng chi NSDP: 13.074,6 tỷ đồng, đạt 125,8% dự toán, tăng 18,7% cùng kỳ; trong đó: chi cân đối NSDP: 11.409,8 tỷ đồng, đạt 121,8% dự toán, tăng 12,5% cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 11.409,8 tỷ đồng, đạt 121,8% dự toán, tăng 12,5% cùng kỳ, trong đó:
 - + Chi đầu tư phát triển: 4.940 tỷ đồng, đạt 152,9% dự toán, tăng 28,1% cùng kỳ;
 - + Chi thường xuyên: 6.319,8 tỷ đồng, đạt 106,2% dự toán, tăng 0,8% cùng kỳ;
 - Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 1.664,8 tỷ đồng, đạt 161,9% dự toán, tăng 90% cùng kỳ, trong đó:
 - + Chi Chương trình MTQG: 164,8 tỷ đồng, tăng 1.460% cùng kỳ;
 - + Chi các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 1.500 tỷ đồng, đạt 145,8% dự toán, tăng 73,3% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố

- Khối tỉnh: 5.406,4 tỷ đồng, đạt 88,2% dự toán;
- Khối huyện, thị xã, thành phố: 7.668,3 tỷ đồng, đạt 179,8% dự toán.

III. Cân đối thu, chi NSDP

1. Tổng thu NSDP..... 15.280,7 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết9.710,5 tỷ đồng.
- Thu bổ sung từ NSTW2.347,4 tỷ đồng.
- Thu chuyển nguồn năm 2021 sang3.222,8 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP 15.336,5 tỷ đồng.

- Chi cân đối NSDP 11.409,8 tỷ đồng.
- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 1.664,8 tỷ đồng.
- Chi chuyển nguồn sang năm sau (CCTL) 2.261,9 tỷ đồng.

3. Bội chi (2-1)..... 55,8 tỷ đồng.

IV. Đánh giá

1. Kết quả đạt được

a) Về thu ngân sách: Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thị xã, thành phố; quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo thu đúng, đủ theo quy định. Các ngành, lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế phục hồi tích cực, dịch bệnh Covid-19 tiếp tục được kiểm soát tốt trên toàn tỉnh, các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đã dần khôi phục lại việc sản xuất, kinh doanh. Có 13/16 khoản thu đạt từ 100% trở lên so với dự toán, cụ thể như sau: Thu từ doanh nghiệp nhà nước đạt 100,8%, giảm 17,7% cùng kỳ; Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 128,8% dự toán, tăng 1,8% cùng kỳ; Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 126,3% dự toán, tăng 1,7% cùng kỳ; Thu lệ phí trước bạ đạt 172,6% dự toán, tăng 62,3% so với cùng kỳ; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 150% dự toán, tăng 69,6% so cùng kỳ; Thuế Thu nhập cá nhân đạt 160,9% dự toán, tăng 52,8% cùng kỳ; Thu phí, lệ phí đạt 128,6% dự toán, tăng 23,2% cùng kỳ; Thu tiền sử dụng đất đạt 106,9% dự toán, tăng 91% so cùng kỳ; Thu khác ngân sách đạt 129,6% dự toán, giảm 6,3% cùng kỳ; Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích tại xã đạt 100% dự toán, giảm 9,4% cùng kỳ; Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 1927,7% dự toán, tăng 875,8% cùng kỳ; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 107,6% dự toán, tăng 30,3% cùng kỳ; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 114,6% dự toán, giảm 0,2% cùng kỳ. Tất cả 9/9 huyện, thị xã, thành phố có số thu vượt dự toán, trong đó huyện Gò Dầu đạt cao nhất (266,9%), Thành phố Tây Ninh đạt thấp nhất (130%).

b) Về chi ngân sách: Thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó một số khoản chi vượt dự toán: Chi đầu tư phát triển 152,9%, tăng 28,1% cùng kỳ; Chi thường xuyên 106,2%, tăng 0,8% cùng kỳ; Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 161,9%, tăng 90% cùng kỳ.

2. Khó khăn, hạn chế

a) Về thu ngân sách:

Tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục được kiểm soát tốt, tuy nhiên nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế và gặp nhiều khó khăn, thách thức, khó lường và làm ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước và thực hiện các quy định về miễn, giảm thuế. Do đó, dự kiến có 03/16 khoản thu chưa đạt so với dự toán như: Thuế bảo vệ môi trường đạt 64,2% dự toán, giảm 26,7% cùng kỳ; Thu tiền thuê đất đạt 42,5% dự toán, giảm 59,3% cùng kỳ; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 74,1% dự toán, giảm 12,4% cùng kỳ.

b) Về chi ngân sách:

Một số lĩnh vực chi thường xuyên đạt thấp so dự toán chủ yếu do một số đơn vị sử dụng ngân sách chưa chủ động triển khai thực hiện kịp thời; một số nhiệm vụ chi phải triển khai theo trình tự thời gian quy định, nhất là kinh phí mua sắm, triển khai các chính sách, đề án. Ngoài ra còn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên một số nội dung chi triển khai thực hiện còn chậm so dự toán được giao như chi tổ chức hoạt động thể dục, thể thao, hội nghị, hội chợ,...

3. Về cân đối ngân sách

Nhìn chung, chi ngân sách địa phương được đảm bảo từ nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng, thu bổ sung từ ngân sách Trung ương đã cơ bản đảm bảo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên theo nhiệm vụ dự toán được giao, thực hiện tốt chỉ đạo, chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy trong công tác điều hành ngân sách, cắt giảm các khoản chi chưa thật sự cần thiết, tập trung nguồn lực để chi đầu tư, phục vụ tốt hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước, các cơ quan đảng, đoàn thể, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2022./.

Nơi nhận: *ph*

- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính (Đăng Công thông tin điện tử STC);
- Trung tâm CBTH (Đăng Công thông tin điện tử tỉnh TN);
- LĐVP; PKT;
- Lưu: VT. VP.

Tính 21

5

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 525 /BC-UBND ngày 21 /12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	ƯỚC THỰC NĂM 2022	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.020.000	14.948.212	149,2%	144,0%
I	Thu cân đối NSNN	10.020.000	11.725.400	117,0%	112,9%
1	Thu nội địa	8.720.000	10.235.400	117,4%	115,1%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.300.000	1.490.000	114,6%	99,8%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		3.222.812		
B	TỔNG CHI NSDP	10.397.987	13.074.622	125,7%	118,7%
I	Chi cân đối NSDP	9.368.396	11.409.813	121,8%	112,5%
1	Chi đầu tư phát triển	3.230.380	4.940.015	152,9%	128,1%
2	Chi thường xuyên	5.950.758	6.319.835	106,2%	100,8%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	0	0,0%	0,0%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100,0%	100,0%
5	Dự phòng ngân sách	186.258	148.962	80,0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.029.591	1.664.810	161,7%	190,0%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	55.800	55.800	100,0%	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	0	0	0,0%	



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 525 /BC-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.020.000	11.725.400	117,0%	112,9%
I	Thu nội địa	8.720.000	10.235.400	117,4%	115,1%
1	Thu từ khu vực DNNN	370.000	373.000	100,8%	82,3%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.180.000	1.520.000	128,8%	101,8%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.624.000	2.051.600	126,3%	101,7%
4	Thuế thu nhập cá nhân	870.000	1.400.000	160,9%	152,8%
5	Thuế bảo vệ môi trường	615.000	395.000	64,2%	73,3%
6	Lệ phí trước bạ	350.000	604.000	172,6%	162,3%
7	Thu phí, lệ phí	420.000	540.000	128,6%	123,2%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.400.000	1.244.000	88,9%	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000	18.000	150,0%	169,6%
-	Thu tiền sử dụng đất	988.000	1.056.000	106,9%	191,0%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	400.000	170.000	42,5%	40,7%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	27.000	20.000	74,1%	87,6%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	38.553	1927,7%	975,8%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.650.000	1.775.000	107,6%	130,3%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.000	2.000	100,0%	91,6%
13	Thu khác ngân sách	210.000	272.247	129,6%	93,7%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.300.000	1.490.000	114,6%	99,8%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu				
2	Thuế xuất khẩu				
3	Thuế nhập khẩu				
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu				
6	Thu khác				
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	8.219.950	9.710.494	118,1%	
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%				

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 525 /BC-UBND ngày 21 /12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	10.397.987	13.074.622	125,7%	118,7%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	9.368.396	11.409.812	121,8%	112,5%
I	Chi đầu tư phát triển	3.230.380	4.940.015	152,9%	128,1%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.995.780	4.809.745	160,6%	128,8%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	234.600	130.270	55,5%	106,2%
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	5.950.758	6.319.835	106,2%	100,8%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.485.320	2.485.653	100,0%	115,2%
2	Chi khoa học và công nghệ	40.670	36.684	90,2%	126,2%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	473.175	484.545	102,4%	72,8%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	116.320	109.605	94,2%	118,8%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	52.905	52.009	98,3%	97,7%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	36.130	34.138	94,5%	169,5%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	131.950	131.950	100,0%	119,0%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	789.095	769.102	97,5%	108,7%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	978.220	1.196.396	122,3%	113,2%
10	Chi bảo đảm xã hội	419.705	516.241	123,0%	60,7%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	0	0,0%	0,0%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100,0%	
V	Dự phòng ngân sách	186.258	148.962	80,0%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.029.591	1.664.810	161,7%	190,0%
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	164.803		1560,2%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.029.591	1.500.007	145,7%	173,3%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	935.449	1.332.815	142,5%	199,7%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	94.142	167.192	177,6%	84,3%